

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
N PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HSST**
Ngày: 29 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN N PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- *N phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mùa Thị Hà và bà Lò Thị Hiền;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh H - Thư ký Tòa án nhân dân N phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân N phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân N phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 16/10/2000 tại Điện Biên; nơi cư trú: Thôn Th, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Bùi Viết Th (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1971; cH: Hoàng Tuấn V, con: Có 01 con sinh năm 2019; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có gì đặc biệt; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/3/2021 cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

+ Ông Đặng Văn C; sinh năm 2000; địa chỉ: Số nhà 32, tổ 9, phường Mường Thanh, N phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt;

+ Bà Vũ Thị L; sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 6, phường T, N phố Đ, tỉnh Đ; vắng mặt;

+ Ông Hoàng Quang N; sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 5, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Quàng Thị Kim P; sinh năm 2001; địa chỉ: Đội 1, bản N, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Vương M; sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ 1, phường T, N phố Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Biết các hiệu cầm đồ khi cho cầm cố xe máy vay tiền, chỉ giữ lại giấy đăng ký xe mà không giữ xe; để có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo Bùi Thị T đã nảy sinh ý định lừa đảo các chủ tiệm cầm đồ lấy tiền. Thấy tài khoản Zalo "*Ngọc Như*" có số điện thoại 0326404911, đăng Ln mạng làm được giấy tờ giả, bị cáo đã dùng điện thoại iphone 7 của mình liên lạc qua Zalo, gặp một người đàn ông không quen biết, thỏa thuận làm giấy đăng ký xe máy giả mang tên bị cáo với giá 1.200.000 đồng một giấy lần đầu; những lần sau giảm 200.000 đồng một cái; mục đích dùng để lừa các hiệu cầm đồ lấy tiền.

Bị cáo mượn xe máy SH biển kiểm soát 27B1-822.65 của bà Quảng Thị Kim P và xe máy SH biển kiểm soát 27B1-956.90 của ông Nguyễn Vương M (*đều là bạn bị cáo*); nhờ người khác cà số khung, số máy của hai xe máy này ra giấy mà không nói để làm gì, rồi chụp ảnh gửi cho người làm giả giấy tờ qua Zalo, đặt làm 03 giấy đăng ký giả xe máy SH của bà P, 01 giấy đăng ký giả xe máy SH ông M và 01 giấy chứng M nhân dân giả; những giấy tờ giả này đều mang tên bị cáo. Bị cáo nhận số giấy tờ giả này qua nhân viên giao hàng; chuyển trả tiền làm giấy tờ giả vào số tài khoản Ngân hàng BIDV 36210000419464 và trả qua nhân viên giao hàng.

Sau khi nhận được giấy tờ giả, bị cáo mượn lại xe đã làm giấy đăng ký giả, đem đến hiệu cầm đồ cùng giấy tờ giả, nói dối là xe của mình cầm cố vay tiền. Thấy giấy đăng ký xe, giấy chứng M nhân dân đều mang tên bị cáo, các chủ hiệu cầm đồ tin tưởng nên đã đồng ý cho bị cáo vay tiền, chỉ giữ lại giấy đăng ký xe, giấy chứng M nhân dân do bị cáo giao lại và làm các giấy tờ về việc bán xe, việc vay tiền; bị cáo nhận tiền và đem xe về trả cho chủ xe. Với thủ đoạn trên, bị cáo đã 04 lần lừa đảo chiếm đoạt tiền trót lọt như sau:

Lần 1: Chiều ngày 12/10/2021 bị cáo mượn lại xe máy của bà P, đến hiệu cầm đồ "*Hưng Phát*" của ông Đặng Văn C ở số nhà 32, tổ 9, phường M, N phố Đ, tỉnh Đ; đưa giấy đăng ký xe giả cho ông C, cầm cố xe vay được 30.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 28/10/2020 bị cáo mượn lại xe máy của bà P mang đến hiệu cầm đồ "*Hùng L*" của bà Vũ Thị L ở tổ 6, phường Tân Thanh, N phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; đưa giấy đăng ký xe giả cho bà L, cầm cố xe vay được 40.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 07/11/2020 bị cáo mượn lại xe của ông M, mang đến hiệu cầm đồ "*79*" của ông Hoàng Quang N ở tổ 6, phường Mường Thanh, N phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; đưa giấy đăng ký xe giả, cầm cố xe vay được 40.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 10/11/2020 bị cáo mượn xe máy của bà P mang đến hiệu cầm đồ "79" của ông Hoàng Quang N ở tổ 6, phường Mường Thanh, N phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; đưa giấy đăng ký xe giả, cầm cố xe xin vay 35.000.000 đồng; ông N đưa trước cho bị cáo 10.000.000 đồng. Ngay sau đó, do nghi ngờ giấy đăng ký xe giả nên ông N đã báo Công an đến giải quyết.

Số tiền có được do lừa đảo (*Trừ 10.000.000 đồng lừa đảo lần 4*), bị cáo dùng trả tiền làm giấy tờ giả, đánh bạc qua mạng và chi tiêu cá nhân hết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình; bị hại khai về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai về việc cho bị cáo mượn xe như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Vật chứng: Quá trình điều tra đã tạm giữ 10.000.000 đồng tiền bị cáo đã nhận của ông N, xe máy SH 125i có biển kiểm soát 27B1-822.65 bị cáo mượn của bà Phương, 01 điện thoại di động Iphone 7 bị cáo dùng để liên lạc làm giấy tờ giả; 04 đăng ký xe máy và 01 giấy chứng M nhân dân giả mang tên bị cáo cùng các giấy tờ mua bán xe, giấy vay tiền, giấy nhận tiền và 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank của bị cáo. Xe máy và tiền Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Bồi V dân sự: Ông C, ông N và bà L yêu cầu bị cáo bồi V tổng số tiền 110.000.000 đồng đã giao cho bị cáo khi cầm cố xe chưa thu hồi được.

Bản kết luận giám định số 1005/GĐ-PC09 ngày 25/11/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 04 đăng ký xe máy và 01 giấy chứng M nhân dân bị cáo dùng để cầm cố vay tiền đều là giấy tờ giả.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về kết luận giám định nêu trên.

3. Quyết định truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 132/CT-VKSTPĐBP ngày 03/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân N phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt bị cáo từ 04 năm đến năm 04 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; bị cáo phải bồi V cho các bị hại tổng số tiền 110.000.000 đồng; vật chứng còn lại là điện thoại di động của bị cáo tịch thu sung công quỹ, thẻ Ngân hàng trả lại cho bị cáo.

4. Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã nhận thấy việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật; bị cáo đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Bùi Thị T, của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định: Từ ngày 12/10/2020 đến ngày 07/11/2021, với mục đích chiếm đoạt tài sản, bị cáo Bùi Thị T đã 04 lần mượn xe máy của người quen; cò số khung, số máy thuê làm giấy đăng ký xe giả và giấy chứng M nhân dân giả mang tên mình. Sau đó mượn lại xe, đem đến các hiệu cầm đồ trên địa bàn N phố Điện Biên Phủ cùng giấy tờ giả, nói dối là xe máy của mình để cầm cố vay tiền. Các chủ hiệu cầm đồ là Đặng Văn C, Vũ Thị L, Hoàng Quang N đã tin tưởng và giao cho bị cáo vay tổng số tiền 120.000.000 đồng (*Mỗi lần trên 2.000.000 đồng*), chỉ giữ lại giấy đăng ký xe, giấy chứng M nhân dân mang tên bị cáo mà không biết đó là giấy tờ giả, đồng thời lập giấy bán xe, giấy giao nhận tiền vay với bị cáo. Lấy được tiền, bị cáo đem xe trả cho chủ xe; tiền bị cáo chi tiêu hết, không có khả năng trả lại. Chỉ đến lần lừa đảo thứ 4, chủ tiệm mới phát hiện bị cáo dùng giấy tờ giả lừa đảo vay tiền và báo Cơ quan chức năng đến giải quyết.

Điều 174 BLHS quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu N tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 2 điều luật đã viện dẫn ở trên.

[2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, mà nguyên nhân là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, để có tiền một cách nhanh chóng phục vụ nhu cầu cá nhân, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần số tiền bị cáo chiếm đoạt được đều trên mức tối thiểu của tội danh, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" theo Điều 52 BLHS, đồng thời áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Bị cáo đã N khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bố bị cáo được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương C sỹ vẻ vang, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng theo Điều 51 BLHS đối với bị

cáo. Mức hình phạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo Khoản 5 Điều 174 BLHS thì: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo đang nuôi con nhỏ, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, lại bị ảnh hưởng vì dịch covid; do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Bồi V dân sự, vật chứng và các vấn đề khác:

Các bị hại đều có yêu cầu bị cáo bồi V số tiền đã nhận khi cầm cổ xe, nếu chậm trả phải chịu lãi theo quy định; yêu cầu trên của các bị hại là có căn cứ theo Điều 48 BLHS và Điều 357 BLDS nên cần chấp nhận.

Các giấy đăng ký xe giả, giấy chứng M nhân dân giả; giấy mua bán xe, giấy giao nhận tiền vay được chuyển theo hồ sơ và được lưu tại hồ sơ vụ án. Chiếc điện thoại Iphone bị cáo dùng để liên lạc làm giấy tờ giả tịch thu sung công quỹ Nhà nước; thẻ Ngân hàng là thẻ của cá nhân, trả lại cho bị cáo.

Những người cho bị cáo mượn xe máy đều không biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo và đã nhận lại xe của mình, nên không đề cập xử lý. Bị cáo đã chuyển trả tiền làm giấy tờ giả vào số tài khoản Ngân hàng BIDV số 36210000419464 của ông Trương Tấn V; ông V khai đã bán số tài khoản này cho một người không quen biết, nên không có cơ sở điều tra làm rõ. Bị cáo khai liên lạc để làm giấy tờ giả qua Zalo số điện thoại 0326404911; qua điều tra xác định số điện thoại này là của bà Bàn Thị H, trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh H, nhưng hiện bà H không có mặt tại nơi cư trú. Số tiền chiếm đoạt được bị cáo khai đã chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 19033198889020 của Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam để đánh bạc qua mạng; qua điều tra xác định số tài khoản này là của Nghiêm Tuấn D, trú tại Đội Cấn, quận B, thành phố H; cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra nhưng chưa có kết quả; nên tách ra để điều tra xử lý sau.

[5] Án phí: Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và các bị hại đã thống nhất với nhau về việc trả lại tiền bị cáo đã chiếm đoạt, tòa án ghi nhận việc này vào bản án và bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chỉ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 23 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an N phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân N phố Điện Biên Phủ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".
2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo 04 (Bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.
3. Bồi V dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS và Điều 357 BLDS: Buộc bị cáo phải trả lại tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại như sau:
 - Trả cho ông Đặng Văn C số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);
 - Trả cho ông Hoàng Quang N số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);
 - Trả cho bà Vũ Thị L số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).
- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đặng Văn C, ông Hoàng Quang N, bà Vũ Thị L cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
4. Vật chứng: Áp dụng khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 7; trả lại cho bị cáo 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Cơ quan cảnh sát điều tra).
5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban V vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
6. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/10/2021); nếu những người này vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- Viện kiểm sát TP.ĐBP;
- Viện kiểm sát tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT công an TP.ĐBP;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ;
- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

